TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ÂN THI **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: **19**/2023/QĐST-HNGĐ	*Â n Thi, ngày 20 tháng 03 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 112/2022/TLST-HNGĐ ngày 07/10/2022 giữa:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1980
- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1985

Đều trú tại: GN, HTM, AT, Hưng Yên

- Người có quyền L nghĩa vụ liên quan:

1. Cháu Nguyễn Thị Chi M, sinh ngày 24/10/2010
2. Cháu Nguyễn Vương Q, sinh ngày 03/6/2014

Người đại diện hợp pháp của cháu M: Anh V – Bố đẻ của cháu

Người đại diện hợp pháp của cháu Q: Chị L – Mẹ đẻ của cháu

3. Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1956 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1953
4. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1986

Đều trú tại: GN, HTM, AT, Hưng Yên

Người bảo vệ quyền và L ích hợp pháp của chị L: Ông Trịnh Văn T – Luật sư Công ty TNHH Luật Đông Hà Nội

Địa chỉ: Tầng 5 Lô V5.8 Tòa nhà Imperia Garden; số 203 Nguyễn Huy Tưởng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

Người bảo vệ quyền và L ích hợp pháp của anh V: Bà Trần Thị Thanh Lam – Luật sư văn phòng Luật sư Chính Pháp

Địa chỉ: 65 B Tôn Đức T, Q Tử Giám, Đống Đa, Hà Nội

Căn cứ vào Điều 212 và 213, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83, Điều 33, 38, 39, 40, 59 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10/3/2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10/3/2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Nguyễn Văn V và chị Nguyễn Thị L

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Nguyễn Văn V và chị Nguyễn Thị L thuận tình ly hôn.

- *Về con chung*: Anh V, chị L có 03 con chung là Nguyễn Q Anh, sinh năm 2004; Nguyễn Thị Chi M, sinh ngày 24/10/2010 và Nguyễn Vương Q, sinh ngày 03/6/2014. Cháu Q Anh đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Còn cháu M, cháu Q, nay ly hôn anh V, chị L thống nhất thỏa thuận để anh V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu M đến tuổi thành niên, chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Q đến tuổi thành niên, không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho ai. Đôi bên có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

- *Về tài sản chung:* Anh V, chị L đã thống nhất thỏa thuận và đề nghị Tòa án công nhận:

*** Đất ở**: Anh V được quyền sử dụng đối với thửa đất số 257 tờ bản đồ số 28 đo đạc năm 2017 có diện tích 115,7m2 tại thôn GN, HTM, AT do anh V, chị L nhận chuyển nhượng của bà L, ông V có các cạnh như sau: Phía bắc giáp đất ông Phạm Tú Anh dài 25,7m; Phía N giáp đất ông Nguyễn Văn T dài 25,7m; Phía đông giáp đường tỉnh lộ 376 dài 4,5m; Phía tây giáp đất UBND xã quản lý dài 4,5m

Anh V có quyền sử dụng đối với thửa đất số 421 tờ bản đồ 28 đo đạc năm 2017 có diện tích 56,1m2 tại thôn GN, HTM, AT, Hưng Yên do anh V, chị L nhận chuyển nhượng của anh Cao Ngọc Văn có các cạnh như sau: Phía bắc giáp đất ông Lê Xuân Thông dài 4,4m; Phía N giáp đường bê tông thôn dài 4m; Phía đông giáp đất ông Trần Văn Hỗ dài 13,2m; Phía tây giáp đất bà Lê Thị Thử dài 13,6m. Trên đất có 01 ngôi nhà cấp 4 lợp tôn

Anh V có quyền sở hữu 01 ngôi nhà 03 tầng, 01 lán lợp Bluximang làm cửa hàng tạp hóa, 01 bể nước, 01 nhà tạm cấp 4 xây dựng trên thửa đất số 418 tờ bản đồ số 28 đo đạc năm 2017 có diện tích 289,1m2 do ông V, bà L tặng cho anh V có các cạnh như sau: Phía bắc giáp đất ông Nguyễn Văn Vĩnh dài 45,70m; Phía N giáp đất ông Phạm Văn Khỏe dài 45,92m; Phía đông giáp đường tỉnh lộ 376 dài 6,58m; Phía tây giáp mương thủy L dài 6,04m.

Anh V được quyền sử dụng thửa đất số 987 tờ bản đồ số 5; địa chỉ: xã Dị Chế, Tiên Lữ, Hưng Yên có diện tích 96,3m2, được cấp GCNQSD đất số CX 484261, số vào sổ cấp GCN CS 01305, Q07 –T116 ngày 18/8/2020 có các cạnh như sau: Phía bắc giáp thửa số 976 dài 5m; phía N giáp đường dài 5m; phía đông giáp thửa số 988 dài 19,25m; phía tây giáp thửa số 986 dài 19,25m.

* Đất nông nghiệp : Anh V được QSD thửa số 311 tờ bản đồ số 15, có diện tích 430,4m2 tại cánh đồng Buộm Dưới thôn GN, HTM, AT, Hưng Yên có các cạnh như sau: Phía bắc giáp ruộng hộ bà Nguyễn Thị Lâu dài 19,4m; Phía N giáp ruộng hộ ông Phan Văn Lãng dài 19,9m; Phía đông giáp mương nước dài 21,94m; Phía tây giáp đường tỉnh lộ 376 mới dài 21,89m

Anh V được quyền sở hữu 01 cửa hàng tạp hóa gồm có bánh kẹo, rượu bia, nước ngọt, đồ dùng học tập, đồ khô, bỉm sữa...; 01 ô tô nhãn hiệu Toyota, loại Rush,

màu sơn đỏ, biển số 89A-268.38; toàn bộ đồ dùng và nội thất gia đình như ti vi, điều hòa, máy giặt, bàn ghế, tủ, giường.

Chị L được quyền quản lý, sở hữu đối với 01 xe máy Lead biển số 89B1-188.72 và 01 xe máy Honda Ware biển số 89B1-59726, 01 tủ lạnh màu xám hãng Electrolux.

Anh V có trách nhiệm thanh toán giá trị tài sản chung của vợ chồng cho chị L số tiền 3.000.000.000 đồng (*Ba tỷ đồng chẵn*). Ngày 10/3/2023 anh V đã thanh toán đủ số tiền này cho chị L và chị L đã nhận đủ.

Anh V được quyền liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để đăng ký, kê khai QSD đất, quyền sở hữu đối với tài sản được phân chia nêu trên.

Có sơ đồ kèm theo.

Về nợ: Anh V, chị L, ông V, bà L, anh T thống nhất anh V có trách nhiệm thanh toán nợ cho ông V, bà L số tiền 720.000.000 đồng (*bảy trăm hai mươi triệu đồng*), không có thời hạn vay, không lãi, thanh toán nợ cho anh T số tiền 1.500.000.000 đồng (*Một tỷ năm trăm triệu đồng*) không có thời hạn vay, không lãi.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án bên phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền vay thì ngoài số tiền phải trả còn phải chịu tiền lãi trên số tiền chậm thi hành theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

- *Về án phí*: Anh V tự nguyện chịu cả 150.000 đồng án phí STDS được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai số 0003211 ngày 07/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ân Thi. Hoàn trả anh V số tiền 150.000 đồng, chị L số tiền 59.000.000 đ

ồng (Năm chín triệu đồng) tại biên lai số 0003245 ngày 27/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ân Thi.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Tr- ờng hợp Quyết định đ- ợc thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì ng- ời đ- ợc thi hành án dân sự, ng- ời phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c- ỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án đ- ợc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- *VKSND huyện Ân Thi;*
- *Chi cục THA dân sự huyện Ân Thi;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã Hồ Tùng Mậu, Ân Thi, Hưng Yên*
- *Lưu HS.*

Hoàng Lương Hồng